

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PÁC NẶM
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HS - ST

Ngày 18/11/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN**

- TH phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bào Viết Văn

Bà Chu Thị Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Cà Ngọc Tân và bà Trương Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2020/TLST-HS, ngày 14 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trương Văn K - Tên gọi khác: Không

Sinh ngày xx tháng x năm 19xx tại huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Kh, xã B, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 1/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Trương Văn Th (đã chết) và bà Lương Thị T; Vợ là Hoàng Thị S: Có 02 con. Con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2002.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/6/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trương Văn H - Tên gọi khác: Không

Sinh ngày xx tháng x năm 19xx tại huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Kh, xã B, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 2/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Trương Văn S (đã chết) và bà Lục Thị Ph; Vợ là Hoàng Thị H: Có 02 con. Con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/6/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Tào Văn Th - Tên gọi khác: Không

Sinh ngày xx tháng xx năm 19xx tại huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Kh, xã B, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Tào Văn Th và bà Ma Thị L; Vợ là Trương Thị B: Có 02 con. Con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/6/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Long Văn M- Tên gọi khác: Không

Sinh ngày xx tháng x năm 19xx tại huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Kh, xã B, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Long Văn Đ (Đã chết) và bà Hà Thị Ng; Vợ là Trương Thị Th: Có 02 con. Con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2002.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/6/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Trương Văn Ch - Tên gọi khác: Không

Sinh ngày xx tháng xx năm 19xx tại huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Kh, xã B, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 2/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Trương Văn C (đã chết) và bà La Thị K (đã chết); Vợ là Lãnh Thị L: Có 05 con. Con lớn nhất sinh năm 1973, con

nhỏ nhất sinh năm 1986.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/6/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho các bị cáo Trương Văn K; Trương Văn H; Tào Văn Th; Long Văn M; Trương Văn Ch:** Ông Đinh Xuân D - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

- **Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình Đ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Th - Phó trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Pác Nặm. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Đặng Chòi Ph, sinh năm 19xx.

Trú tại: Thôn Kh, xã B, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

Nghề nghiệp: Làm ruộng

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 13/3/2020 Trương Văn H, Tào Văn Th, Trương Văn M đến nhà Trương Văn K chơi, trong lúc ngồi uống nước nói chuyện thì K có nói *“Miếu thờ đã cũ cùng nhau sửa lại”*, K nói xong thì Th nói, còn thiếu hộ ông Ch nên để tối ngày mai đủ năm hộ thì bàn, sau đó mọi người đi về.

Tối ngày 14/3/2020, H, Th, M và Ch đến nhà K, cả năm người ngồi tại bàn uống nước và cùng nhau bàn việc sửa miếu thì K nói *“Bây giờ lấy gạch, xi măng xây hay lấy gỗ về làm”*. K nói xong thì Th nói, *“Không có tiền, vận chuyển cũng xa”*; M nói *“Lấy gạch xây đất lắm không làm được”*; Ch nói *“Làm bằng gạch thì mất nhiều tiền quá”*; nghe thấy thế nên H nói *“Anh em bàn lấy gỗ về làm”*. H nói xong thì K nói *“Có một cây Trai lý ở cạnh ruộng đã bị chết khô rồi, chặt xuống dùng để làm thì ít tiền hơn”*, sau khi K nói xong thì H, Th, M và Ch đều thống nhất sẽ chặt cây Trai Lý ở núi đá cạnh soi bãi nhà K để sửa lại miếu, mỗi người góp 200.000 đồng để mua xăng và sử dụng máy cưa lóc của H để cắt, xẻ gỗ, do H, Th, M, Ch chưa có tiền nên K tự chi ra trước số tiền 1.000.000 đồng và cử Th đi mua xăng, dầu, dụng cụ khác phục vụ việc cắt, xẻ cây gỗ. Sáng ngày 15/3/2020 Th đi mua 10 lít xăng và nhớt; 01 dây xích và 01 rũa mài xích mang về để tại nhà ở của K.

Sáng ngày 17/3/2020, H mang theo một máy cưa lốc đến nhà K, sau đó Th đến và cùng nhau đi đến vị trí cây Trai Lý đã bàn bạc trước đó tại lô 3, khoảnh 11, tiểu khu 1 thuộc thôn Kh, xã B, huyện Pác Nặm tỉnh Bắc Kạn. Đến nơi, K và H thay nhau sử dụng máy cưa lốc cắt vào phần gốc cây Trai Lý, còn Th ngồi xem. K và H cắt đứt gốc nhưng thân cây không đổ do cây vướng vào đá nên cả ba người đi về nhà, đến chiều cùng ngày, K, H và Th tiếp tục sử dụng cưa lốc cắt vào phần thân cây chỗ tiếp giáp với đá nhưng không cắt được do vướng đá, chiều ngày 18/3/2020 K, H, Th và M sử dụng chiếc kích (loại kích xe ô tô) đến gốc cây Trai Lý, sau đó thay nhau kích khoảng hơn một giờ đồng hồ thì thân cây đổ về phía đất trống soi bãi bên dưới chân núi đá.

Sáng ngày 19/3/2020, H, M, K, Th, và Ch đi đến vị trí thân cây gỗ Trai Lý đã được chặt hạ, K và H thay nhau sử dụng máy cưa lốc cắt rời các cành cây; Th, Ch và M giúp nhau vận gỗ để K và H xẻ thành các thanh gỗ sau đó mang về cất giấu ở gần ngôi miếu thờ.

Ngày 20/3/2020, vụ việc bị Công an xã B và Kiểm lâm huyện Pác Nặm phát hiện, lập biên bản sự việc thì Trương Văn K và Trương Văn H đã giao nộp một số tang vật có liên quan và 20 thanh gỗ Trai Lý có khối lượng 0,239m³ sau khi được quy đổi ra gỗ tròn.

Ngay sau khi tiếp nhận tin báo tố giác tội phạm, Cơ quan điều tra Công an huyện Pác Nặm đã phối hợp với các cơ quan chức năng và những người liên quan tiến hành khám nghiệm hiện trường, lấy lời khai của các bị can, trưng cầu giám định và yêu cầu định giá tài sản.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 21/3/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Pác Nặm xác định: Hiện trường vụ khai thác gỗ trái phép là tại lô 3, khoảnh 11, tiểu khu 1 thuộc thôn Kh, xã B, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn là rừng phòng hộ là rừng tự nhiên theo bản đồ quy hoạch ba loại rừng, ban hành kèm theo Quyết định số 1794 ngày 26/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn, khu rừng này đã được giao khoán bảo vệ cho cộng đồng thôn Kh, xã B. Tại vị trí có tọa độ X419798; Y2513842 phát hiện một gốc cây gỗ Trai Lý nhô lên trên bề mặt núi đá 0,90m đã bị cắt phần ngọn, vết cắt phẳng, sắc gọn, cách gốc cây 05 mét về phía dưới chân núi đá phát hiện 01 thân cây gỗ Trai Lý có một số chỗ bị sâu mục, thủng thân, 01 cành liền thân và 08 khúc cây bị cắt với tổng khối lượng là 12,461 m³ gỗ tròn.

Tại Biên bản làm việc ngày 08/4/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Pác Nặm xác định: Tổng khối lượng phần gỗ bị sâu mục, thủng thân của cây gỗ Trai Lý là 0,36483m³ gỗ tròn.

Tại Kết luận giám định số: 180 ngày 16/4/2020 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng, Viện khoa học Lâm nghiệp Việt Nam kết luận: Mẫu gỗ giám định, tên Việt Nam là Trai (Trai lý, rươi), loài Trai lý thuộc nhóm IIA quy định tại “*Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm*” ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 11 ngày 17/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Pác Nặm kết luận: 12,33517m³ gỗ Trai lý thuộc nhóm IIA loại gỗ tròn trị giá là 109.227.930 đồng.

Tại cơ quan điều tra các bị can Trương Văn K, Trương Văn H, Tào Văn Th, Trương Văn Ch và Long Văn M hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị can phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án các bị cáo Trương Văn K; Trương Văn H; Tào Văn Th; Long Văn M; Trương Văn Ch đã tự nguyện nộp mỗi người 1.000.000^d (Một triệu đồng) vào Chi cục thi H án dân sự huyện Pác Nặm nhằm khắc phục một phần thiệt hại.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKSPN ngày 12/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm để xét xử các bị cáo Trương Văn K; Trương Văn H; Tào Văn Th; Long Văn M; Trương Văn Ch về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm d khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trương Văn K; Trương Văn H; Tào Văn Th; Long Văn M; Trương Văn Ch phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232 BLHS 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trương Văn K từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 60 tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có đơn xin miễn án phí do vậy đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232 BLHS 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trương Văn H từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc

biệt khó khăn, bị cáo có đơn xin miễn án phí do vậy đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232 BLHS 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Tào Văn Th từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có đơn xin miễn án phí do vậy đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232 BLHS 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Long Văn M từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có đơn xin miễn án phí do vậy đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232 BLHS 2015; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trương Văn Ch từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có đơn xin miễn án phí do vậy đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa người bào chữa cho các bị cáo nhận thấy việc xét xử các bị cáo về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm d khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn nhận thức về pháp luật còn hạn chế, các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền để bồi thường khắc phục hậu quả và người được nguyên đơn dân sự ủy quyền có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa, người được nguyên đơn dân sự ủy quyền, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Pác Nặm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có cơ sở kết luận:

Trên cơ sở đã bàn bạc từ trước giữa các bị cáo nên sáng ngày 17/3/2020, Trương Văn H mang theo một máy cưa lóc đến nhà Trương Văn K, sau đó Tào Văn Th đến và cùng nhau mang theo can đựng xăng, can đựng nhớt, xà beng, búa chặt, dao quắm đi đến vị trí cây Trai Lý đã bàn bạc trước đó tại lô 3, khoảnh 11, tiểu khu 1 thuộc thôn Kh, xã B, huyện Pác Nặm tỉnh Bắc Kạn. Đến nơi, K và H thay nhau sử dụng máy cưa lóc cắt vào phần gốc cây Trai Lý mà không được các cơ quan có thẩm quyền cho phép, còn Th ngồi xem. K và H cắt đứt gốc nhưng thân cây không đổ do cây vướng vào đá nên cả ba người đi về nhà, đến chiều cùng ngày, K, H và Th tiếp tục sử dụng cưa lóc cắt vào phần thân cây chỗ tiếp giáp với đá nhưng không cắt được do vướng đá, chiều ngày 18/3/2020 K, H, Th và Long Văn M sử dụng chiếc kích (loại kích xe ô tô), hai chai dầu thủy lực đến gốc cây Trai Lý, sau đó thay nhau kích khoảng hơn một giờ đồng hồ thì thân cây đổ về phía đất trống soi bãi bên dưới chân núi đá.

Sáng ngày 19/3/2020, H, M, K, Th, và Trương Văn Ch mang theo một rựa để mài xích; một dây bằng vải dùng để bắt mực đi đến vị trí thân cây gỗ Trai Lý đã được chặt hạ, K và H thay nhau sử dụng máy cưa lóc cắt rời các cành cây; Th, Ch và M giúp nhau vận gỗ để K và H xẻ thành các thanh gỗ sau đó mang về cất giấu ở gần ngôi miếu thờ.

Ngày 20/3/2020, vụ việc bị Công an xã B và Kiểm lâm huyện Pác Nặm phát hiện, lập biên bản sự việc thì Trương Văn K và Trương Văn H đã giao nộp một số tang vật có liên quan và 20 thanh gỗ Trai Lý có khối lượng $0,1495\text{m}^3$ gỗ xẻ (Quy đổi thành gỗ tròn là $0,239\text{m}^3$).

Qua khám nghiệm hiện trường ngày 21/3/2020 và biên bản làm việc ngày 08/4/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Pác Nặm xác định cây gỗ Trai Lý bị khai thác trái phép tại lô 3, khoảnh 11, tiểu khu 1 thuộc thôn Kh,

xã B, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn là rừng phòng hộ, rừng tự nhiên theo bản đồ quy hoạch ba loại rừng, ban hành kèm theo Quyết định số 1794 ngày 26/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn, khu rừng này đã được giao khoán bảo vệ cho cộng đồng thôn Kh, xã B có khối lượng 12,461 m³ gỗ tròn, trong đó khối lượng phần gỗ bị sâu mục, thủng thân của cây gỗ là 0,36483m³ gỗ tròn.

Hậu quả của hành vi các bị cáo đã gây ra là một cây gỗ Trai Lý thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA bị khai thác trái phép có khối lượng 12,33517m³ gỗ tròn, trị giá 109.227.930 đồng.

Hành vi khai thác cây gỗ Trai Lý của các bị cáo mà không được các cơ quan có thẩm quyền cho phép đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái. Khi thực hiện hành vi các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự năm 2015, với tình tiết định khung là khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng tự nhiên từ 10m³ đến dưới 20m³ gỗ thuộc danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA.

Điều 232 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 243 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

d) Khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng tự nhiên ... từ 10 mét khối đến dưới 20 mét khối gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Đánh giá về vai trò của các bị cáo

Đánh giá vai trò của các bị cáo thấy, ban đầu các bị cáo chỉ bàn bạc lấy Gạch, cát, xi măng về để sửa miếu thờ, nhưng qua bàn bạc các bị cáo thấy việc lấy Gạch, cát, xi măng về để sửa miếu thờ nhiều tiền không làm được nên các bị cáo đã bàn bạc lấy gỗ làm vật liệu về sửa miếu thờ nên đã cùng nhau thống nhất chặt cây Trai lý lấy vật liệu. Hội đồng xét xử nhận định đây chỉ là đồng phạm giản đơn vì các bị cáo được cùng nhau bàn bạc, cùng nhau thực hiện không có người tổ chức và giao nhiệm vụ cụ thể, tuy nhiên bị cáo Trương Văn K là người chỉ điểm vị trí cây Trai lý và là người thực hiện tích cực nhất, do vậy khi định hình phạt cần xem xét để áp dụng hình phạt tương xứng đối với các bị cáo.

[4]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Trương Văn K: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, không được đi học hết tiểu học, nhận thức về pháp luật rất hạn chế, người được nguyên đơn dân sự ủy quyền có đơn xin cho bị cáo được hưởng án treo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Đối với bị cáo Trương Văn H: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, không được đi học hết tiểu học nhận thức về pháp luật rất hạn chế, người được nguyên đơn dân sự ủy quyền có đơn xin cho bị cáo được hưởng án treo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Đối với bị cáo Tào Văn Th: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nhận thức về pháp luật rất hạn chế, người được nguyên đơn dân sự ủy quyền có đơn xin cho bị cáo được hưởng án treo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Đối với bị cáo Long Văn M: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, bị cáo không được đi học nên nhận thức về pháp luật rất hạn chế, người được nguyên đơn dân sự ủy quyền có đơn xin cho bị cáo được hưởng án treo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Đối với bị cáo Trương Văn Ch: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, không được đi học hết tiểu học nên nhận thức về pháp luật rất hạn chế, bị cáo được người được nguyên đơn dân sự ủy quyền có đơn xin cho bị cáo được hưởng án treo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

- Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, các quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy. Trước khi phạm tội các bị cáo luôn chấp hành tốt các chính sách, pháp luật của Nhà nước được chính quyền địa phương xác nhận, các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo có khả năng tự sửa chữa lỗi lầm, do đó cần xem xét cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, do vậy không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đảm bảo tính giáo dục cải tạo và phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả điều tra, xác minh cho thấy gia đình các bị cáo thuộc đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa nguyên đơn dân sự và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, khắc phục hậu quả mỗi người 1.000.000^d (Một triệu đồng), các bị cáo nhất trí bồi thường, khắc phục hậu quả với số tiền theo yêu cầu, tại phiên tòa các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về việc bồi thường. Xét thấy việc thỏa thuận không trái pháp luật và hoàn toàn do hai bên tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Về vật chứng của vụ án:

- Một chai đựng dầu thủy lực; một rữa để mài xích; một dây bằng vải dùng để bịt mực, các bị cáo đã làm mất nên không thu giữ được.

- Một gốc cây gỗ Trai lý đã bị cắt phần ngọn, một thân cây gỗ Trai lý đã bị cưa đổ, một cành liền thân và tám khúc cây bị cắt với tổng khối lượng là 12,461 m³ gỗ tròn đã giao cho Ủy ban nhân dân xã Bằng TH, huyện Pác Nặm quản lý. Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm là chủ sở hữu hợp pháp thì đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu bán đấu giá nộp ngân sách Nhà nước.

- 20 (Hai mươi) hộp gỗ Trai Lý có tổng khối lượng 0,1495m³ gỗ xẻ (Quy đổi tH gỗ tròn là 0,239m³). Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm là

chủ sở hữu hợp pháp thì đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu bán đấu giá nộp ngân sách Nhà nước.

- Một máy cưa xăng cầm tay nhãn hiệu HUSQVARNA màu vàng cam có gắn lam và xích dài 1,2 mét của bị cáo Trương Văn H đã qua sử dụng, là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

- Một chiếc kích cũ của bị cáo Trương Văn K đã qua sử dụng, là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

- Một búa chặt có cán cầm tay dài 0,6 mét của bị cáo Tào Văn Th đã qua sử dụng, là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

- Một xà beng bằng sắt dài 1,5 mét của bị cáo Trương Văn K đã qua sử dụng, là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

- Một dao quắm cũ của bị cáo Trương Văn K đã qua sử dụng, là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

- Một can hình trụ kích thước cao 0,4m, đường kính 0,25m, vỏ màu vàng cam, trên can có dòng chữ PETROLIMEX, có nắp vặn (bị nứt) lồng túi bóng tại phần nắp vặn đã qua sử dụng, là công cụ dùng vào việc phạm tội không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

- Một can hình hộp chữ nhật (loại can 10 lít) màu trắng đục có kích thước 0,35 x 0,15 x 0,25 mét, được vặn nắp màu xanh đã qua sử dụng, là công cụ dùng vào việc phạm tội không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

- Hai vỏ chai tương đối giống hình hộp chữ nhật có kích thước 0,25 x 0,01 x 0,05 mét, vỏ chai màu đen, nắp chai màu xanh, trên chai có dòng chữ HaVoline PLUS 2T đã qua sử dụng, là công cụ dùng vào việc phạm tội không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

- Tạm giữ số tiền 5.000.000^d (Năm triệu đồng) mà các bị cáo đã nộp tại các biên lai thu tiền số 00894, 00895, 00896, 00897, 00898 ngày 20/10/2020 của Chi cục thi H án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án.

[7]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ. Mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo Trương Văn Ch được hưởng tình

tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là chưa chính xác bởi lẽ, từ khi bàn bạc việc sửa miếu chỉ thiếu một mình ông Ch đã không thể bàn được, hơn nữa bị cáo được thông nhất việc chặt cây Trai lý và được cùng vắn cây, bật mực để xé cây, và để đảm tính răn đe phòng ngừa chung các tội phạm về khai thác bảo vệ rừng, do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của đại diện viện kiểm sát. Tuy nhiên bị cáo Trương Văn Ch sinh năm 1954 năm nay đã 66 tuổi do vậy cũng cần xem xét mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo Ch.

Đánh giá việc người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt tù nhưng hưởng án treo, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận định đề nghị của người bào chữa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét.

[8] Xem xét, đánh giá hành vi của những người liên quan.

Đối với Đặng Chòi Ph là đại diện cộng đồng thôn Kh, xã B được giao khoán bảo vệ rừng, việc các bị cáo khai thác cây gỗ Trai lý ông Ph không biết, do vậy cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự là có cơ sở.

[9] Về án phí: Căn cứ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả điều tra, xác M cho thấy gia đình các bị cáo thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các bị cáo có đơn xin Hội đồng xét xử miễn án phí. Do vậy cần miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố các bị cáo Trương Văn K; Trương Văn H; Tào Văn Th; Long Văn M; Trương Văn Ch phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

[2]. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232 BLHS 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trương Văn K 36 (Ba sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[3]. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232 BLHS 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trương Văn H 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[4]. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232 BLHS 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Tào Văn Th 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[5]. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232 BLHS 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử

phạt bị cáo Long Văn M 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[6]. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232 BLHS 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trương Văn Ch 24 (Hai bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Trương Văn K; Trương Văn H; Tào Văn Th; Long Văn M; Trương Văn Ch cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với người đại diện của nguyên đơn dân sự:

Áp dụng Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trương Văn K phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn với số tiền là 1.000.000^d (Một triệu đồng), được trừ vào số tiền 1.000.000^d (Một triệu đồng) mà bị cáo đã nộp tại biên lai thu tiền số 00896 ngày 22/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Buộc bị cáo Trương Văn H phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn với số tiền là 1.000.000^d (Một triệu đồng), được trừ vào số tiền 1.000.000^d (Một triệu đồng) mà bị cáo đã nộp tại biên lai thu tiền số 00894 ngày 22/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Buộc bị cáo Tào Văn Th phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn với số tiền là 1.000.000^d (Một triệu đồng), được trừ vào số tiền 1.000.000^d (Một triệu đồng) mà bị cáo đã nộp tại biên lai thu tiền số 00898 ngày 22/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Buộc bị cáo Long Văn M phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn với số tiền là 1.000.000^d (Một triệu đồng), được trừ vào số tiền 1.000.000^d (Một triệu đồng) mà bị cáo đã nộp tại biên lai thu tiền số 00895 ngày 22/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Buộc bị cáo Trương Văn Ch phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn với số tiền là 1.000.000^d (Một triệu đồng), được trừ vào số tiền 1.000.000^d (Một triệu đồng) mà bị cáo đã nộp tại biên lai thu tiền số 00897 ngày 22/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Tạm giữ số tiền 5.000.000^d (Năm triệu đồng) mà các bị cáo đã nộp tại các biên lai thu tiền số 00894, 00895, 00896, 00897, 00898 ngày 20/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án.

Việc thi hành án được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015

“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”.

[5]. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

- 01 (Một) can hình trụ kích thước cao 0,4m, đường kính 0,25m, vỏ màu vàng cam, trên can có dòng chữ PETROLIMEX, có nắp vặn (bị nứt) lồng túi bóng tại phần nắm vặn đã qua sử dụng.

- 01 (Một) can hình hộp chữ nhật (loại can 10 lít) màu trắng đục có kích thước 0,35 x 0,15 x 0,25 mét, được vặn nắp màu xanh đã qua sử dụng.

- 02 (Hai) vỏ chai tương đối giống hình hộp chữ nhật có kích thước 0,25 x 0,01 x 0,05 mét, vỏ chai màu đen, nắp chai màu xanh, trên chai có dòng chữ HaVoline PLUS 2T đã qua sử dụng.

Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước gồm các vật chứng

- 01 (Một) máy cưa xăng cầm tay nhãn hiệu HUSQVARNA màu vàng cam có gắn lam và xích dài 1,2 mét đã qua sử dụng.

- 01 (Một) chiếc kích cũ đã qua sử dụng.

- 01 (Một) búa chặt có cán cầm tay dài 0,6 mét; một xà beng bằng sắt dài 1,5 mét; một dao quắm đều đã qua sử dụng.

- 20 (Hai mươi) hộp gỗ Trai Lý có tổng khối lượng 0,1495m³ gỗ xẻ (Quy đổi thành gỗ tròn là 0,239m³).

(Số lượng, tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/10/2020 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn và Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn).

- 01 (Một) gốc cây gỗ Trai lý đã bị cắt phần ngọn, một thân cây gỗ Trai lý đã bị cưa đổ, một cành liền thân và tám khúc cây bị cắt với tổng khối lượng là 12,461 m³ gỗ tròn.

(Số lượng, tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/4/2020 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn và Ủy ban nhân dân xã B, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn).

[6]. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo

Trương Văn K; Trương Văn H; Tào Văn Th; Long Văn M; Trương Văn Ch.

[7]. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Pác Nặm. (01b)
- TAND tỉnh Bắc Kạn. (01b)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn.(01b)
- Bộ phận hồ sơ CA huyện Pác Nặm. (03b)
- Chi cục THADS huyện Pác Nặm. (01b)
- Sở Tư pháp. (01b)
- Nguyên đơn dân sự. (01b)
- Người được nguyên đơn dân sự ủy quyền (01b)
- Bị cáo. (05b)
- Người bào chữa. (01b)
- Người có QL,NVLQ. (01b)
- Lưu hs;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thanh Tuấn